TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Xuyến;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1997; đăng ký HKTT: Thôn, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tập thể T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Lê Thị T) trình bày:

Chị và anh Phạm Tiến T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 11/7/2014. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 09 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh T còn nghiện ma túy, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh không thay đổi. Do mâu thuẫn căng

thẳng nên từ tháng 01 năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Thảo T, sinh ngày 10/4/2015. Từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị nhận nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Anh chị không có tài sản và nợ chung.

Trong các lời khai tại Tòa án, bị đơn (anh Phạm Tiến T) trình bày:

Những nội dung chị T khai về thời gian, điều kiện kết hôn; thời gian ly thân giữa anh chị là đúng. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 04 năm 2016, chị T xin phép về nhà ngoại chơi rồi bỏ đi luôn, không thông báo cho anh và gia đình. Sau khi tìm hiểu anh T biết chị T đã có ý định bỏ đi từ lâu vì gia đình anh khó khăn, anh không có công việc ổn định. Vì thương con nên anh T không đồng ý ly hôn.

Anh T xác nhận, anh chị có 01 con chung như chị T trình bày, nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Anh chị không có tài sản và nợ chung.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện, vợ chồng chị T, anh T sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Anh T nhiều lần đi tìm chị T, đồng thời khi có việc hệ trọng, gia đình anh T đã thông báo nhưng chị T không trở về nhà.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T vắng mặt lần thứ hai (không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, mở phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến T; giao con Phạm Thảo Tú, sinh ngày 10/4/2015 cho chị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với anh T. Các đương sự cùng xác nhận không có tài sản và nợ chung nên không phải giải quyết. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Tiến T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người đại diện tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Tiến T được xác lập từ ngày 11/7/2014 là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù khẳng định vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng anh T lại thừa nhận anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay; anh nhiều lần tìm chị T và khi có công việc lớn, gia đình anh đã thông báo nhưng chị T đều không trở về nhà, không đồng ý đoàn tụ. Lời thừa nhận của anh T về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của chị T và nội dung T liệu xác minh tại địa phương. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn anh T.

Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 01 con chung là Phạm Thảo T, sinh ngày 10/4/2015; từ khi anh chị ly thân đến nay, con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tính đến thời điểm giải quyết vụ án, con của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi; quá trình giải quyết vụ án, anh chị không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi. Vì chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với anh T.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự cùng xác nhận không có Tài sản và nợ chung nên không phải giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thảo Tú, sinh ngày 10/4/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với anh Phạm Tiến T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0002897 ngày 14/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã T, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến